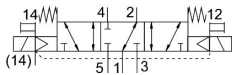


Van điện từ VSVA-B-P53F-ZH-D2-1T1L

Số bộ phận: 8034983



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	5/3 thông gió 1 sau 2, 4 sau 5 đóng
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	52 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	2300 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Kích thước tắmkết nối 2 theo ISO 5599-2 G1/2
Điện áp vận hành	24V DC
Áp suất vận hành	-0.09 MPA...1 MPA -0.9 bar...10 bar
Cấu trúc xây dựng	thanh trượt pít tông
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Mức độ bảo vệ	IP65 NEMA 4
Kích thước lưỡi	59 mm
Chức năng khí xả	có thể điều tiết thông qua tắmkết lưu qua đế van
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 5599-2
Nút ghi đè	quét
Kiểu điều khiển	điều khiển trước
kiểm soát cung cấp không khí	bên ngoài
Hướng dòng chảy	bất kì
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED
Áp suất điều khiển	0.3 MPA...1 MPA 3 bar...10 bar
Van lưu lượng	3000 l/ph
Lưu lượng van trên tắmkết nối đơn	2600 l/ph
Van lưu lượng liên kết khí nén	2300 l/ph
Thời gian chuyển mạch tắt	60 ms

Đặc tính	Giá trị
Thời gian chuyển mạch bật	23 ms
Thời gian bật	100%
Dòng kéo vào định mức trên mỗi cuộn điện từ	165 mA đến 30 ms
Dòng điện định mức khi giảm dòng điện	35 mA sau 30 ms
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 4,6 W
Độ chịu điện áp xung	2.5 KV
mức độ ô nhiễm	3
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...50 °C
Độ ẩm tương đối	0 - 90 %
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
trọng lượng sản phẩm	780 g
Cổng nối điện	Cắm vào theo ISO 5599-2
Kiểu gắn	trên tấm kết nối
Cổng nối khí điều khiển 12/14	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84	được gom không lấy theo tiêu chuẩn tùy ý:
Cổng nối khí nén 1	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Cổng nối khí nén 2	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Cổng nối khí nén 3	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Cổng nối khí nén 4	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Cổng nối khí nén 5	Kích thước tấm kết nối 2 theo ISO 5599-2
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	FPM HNBR NBR
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm